

## VẤN ĐỀ LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT TRONG SỰ NGHIỆP “TRỒNG NGƯỜI”

TRẦN THỊ ÚT\*, HUỲNH THẠNH\*\*, NGUYỄN THỊ THANH HÒA\*\*

### TÓM TẮT

*Vấn nạn đạo văn đang trở nên phổ biến và nghiêm trọng trong giáo dục bậc đại học ở nước ta. Nghiên cứu này sử dụng báo cáo thực tập tốt nghiệp của 252 cựu sinh viên khối ngành kinh tế. Kết quả phân tích cho thấy chỉ số tương đồng trung bình (average similarity index) của nguyên tác so với cơ sở dữ liệu của Turnitin lên đến 47,5%, nhóm có chỉ số tương đồng từ 50% trở lên chiếm gần 40%. Trong đó, internet đã trở thành công cụ mạnh cho mức độ vi phạm. Ngoài ra, số liệu thống kê còn cho thấy không có sự khác biệt trung bình về chỉ số tương đồng giữa các nhóm ngành (kế toán, quản trị kinh doanh), chương trình đào tạo (cao đẳng, đại học và hệ liên thông) cũng như giới tính (nam, nữ).*

**Từ khóa:** liêm chính học thuật, đạo văn, Turnitin, giáo dục đại học.

### ABSTRACT

#### *Academic integrity in education*

*Plagiarism is becoming a common and serious problem in higher education in Vietnam. The article utilizes graduation practicum reports of 252 graduates of economics. Results from the analysis shows that the average similarity index between the original report and the Turnitin database was up to 47.5%; meanwhile, nearly 40% of reports with similarity index was over 50%. The Internet has become a powerful tool for these violations. Besides, statistics show that there is no average difference in the average similarity index between majors (accounting and business management), programs of studies (college, university and continuous higher study), as well as gender (male and female).*

**Keywords:** academic integrity, plagiarism, Turnitin, higher education.

### 1. Giới thiệu

Là những nhà giáo, dù nhiều hay ít tuổi nghề, trước vấn nạn tạm gọi là “đạo văn” trong học thuật, không ai trong chúng ta lại không cảm thấy cần phải lên tiếng – đó là trách nhiệm của những người mang sự nghiệp “trồng người”.

Liêm chính trong học thuật được đề cập như những chuẩn mực đạo đức mà người học phải tuân thủ, trong đó các vấn đề không gian lận, không đạo văn, không

giả tạo và ngụy tạo dữ liệu... được xem là những trách nhiệm cơ bản. Một khi những nền tảng này không được chú trọng thì nền giáo dục đó có thể bị xem là kém chất lượng. Ngày nay, mức độ phổ biến của đạo văn đã trở thành vấn đề gây quan ngại tại các trường đại học [2], [23] vì xảy ra ở tất cả đối tượng [4], [25]. Thực trạng này đã trở thành một chủ đề “nóng” trong môi trường học thuật. Đã có nhiều công trình nghiên cứu phản ánh

\* TS, Trường Đại học Hoa Sen; Email: ut.tran@hoasen.edu.vn

\*\*ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một

rõ nét vấn đề này tại các trường đại học ở các nước châu Âu, châu Úc và một số nước châu Á. [1], [4], [10], [11], [15], [16]

Không ngoại lệ, trong nền giáo dục bậc đại học của Việt Nam thì đạo văn được nhắc đến như một nét văn hóa không mong muốn. Cộng đồng du luận đã bàn luận rất nhiều về đạo văn nhưng chỉ dừng lại ở những nhận định mang tính định tính hay những trường hợp cá nhân bị phát hiện, chưa có những nghiên cứu định lượng rõ ràng về đạo văn. Chính vì vậy, bài viết này nhằm mục đích đánh giá mức độ phổ biến và nghiêm trọng của vấn nạn đạo văn ở sinh viên thuộc khối ngành Kinh tế.

## 2. Nội dung

### 2.1. Định nghĩa “đạo văn”

Từ điển Merriam-Webster [29] cho rằng: “*Đạo văn* là sử dụng từ ngữ hoặc ý tưởng của người khác mà không ghi nhận công trạng của họ”. Cùng quan điểm trên, Gibelman và Gelman [6] cho rằng *đạo văn* là một dạng lấy cắp khi tác giả chuyển những từ ngữ và ý tưởng vay mượn từ người khác thành ý tưởng của mình. Tuy nhiên, Sutherland [21] định nghĩa *đạo văn* chỉ xảy ra khi người viết cố ý sử dụng nguyên văn từ ngữ, ý tưởng, hoặc những tài liệu gốc của người khác mà không trích dẫn nguồn. Như vậy, có thể thấy có nhiều định nghĩa, được diễn đạt theo nhiều cách, nhưng điểm chung của đạo văn là việc sử dụng ý tứ của người khác mà không trích dẫn, hoặc trích dẫn nhưng không đúng cách cho dù có chủ đích hay không.

### 2.2. Các dạng đạo văn và hướng xác

#### **định**

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều hình thức khác nhau được quy kết là đạo văn. Theo Biggam [2] xác định các mức độ đạo văn gồm: tự ý sao chép toàn bộ nội dung tham khảo, sao chép phần lớn câu chữ trong tài liệu tham khảo, viết lại nội dung tham khảo thay vì diễn đạt theo cách hiểu của người viết, lấy cấp ý tưởng của người khác. Cùng quan điểm, Walker [24] đã chia mức độ vi phạm thành 3 nhóm gồm: (a) Sham: Có trích dẫn nguồn nhưng lại chép nguyên văn mà không đóng mở ngoặc kép; (b) Verbatim: Chép đúng nguyên văn mà không ghi nguồn; (c) Purloining: Lấy bài của bạn học hay bài của người học trước và xem như của mình. Chi tiết hơn, Tripathi & Kumar [22] chia đạo văn thành 17 dạng, bao gồm không ghi nguồn, ghi nguồn và các dạng khác (Chẳng hạn: Có trích dẫn đầy đủ nhưng toàn bài viết không có bất kì một sự đóng góp nào từ tác giả bài viết).

Mặt khác, một số nghiên cứu đã sử dụng bảng câu hỏi để sinh viên tự đánh giá mức độ đạo văn lại tỏ ra kém tin cậy cũng như mức độ phù hợp thấp [24]. Rõ ràng, những dạng dữ liệu như vậy dễ tạo sự thiên lệch trong lúc đánh giá vì người trả lời có thể không trung thực giữa việc đánh vào câu trả lời so với thực tế hành động của họ (tức thể hiện trên bài viết của chính sinh viên). Để khắc phục điều này, những nghiên cứu khác đã sử dụng các phần mềm để lượng hóa mức độ đạo văn thông qua bài viết của nguyên tác đối chiếu với các cơ sở dữ liệu sẵn có (đã được số hóa). Tuy nhiên, những phần

mềm này bị hạn chế về cơ sở dữ liệu chưa được số hóa [3], [5].

Phần mềm được sử dụng phổ biến hiện nay là phần mềm Turnitin ([http://www.turnitin.com/en\\_us/support/integrations/ti](http://www.turnitin.com/en_us/support/integrations/ti)), một trong những phát hiện của phần mềm này là đưa ra chỉ số tương đồng (similarity index) với bài viết của một hay nhiều tác giả khác mà bài viết này coi như đó là tỉ lệ sao chép của các tác giả khác mà không ghi nguồn, nói cách khác là tỉ lệ đạo văn. Turnitin có thể kiểm tra trên 19 ngôn ngữ khác nhau, trong đó có tiếng Việt, được đối chứng với một cơ sở dữ liệu rộng lớn với hàng tỉ trang web, hàng vạn ấn phẩm học thuật/sách và kho dữ liệu từ bài viết của sinh viên đã được lưu trữ trước đó [28]. Nhiều nhà nghiên cứu đã sử dụng phần

mềm này trong công trình nghiên cứu như Thurmond [23], Walker [24], Bretag [4], Ison [9], Matheson & Starr [13], Heckler, Rice, & Bryan [7], Ison [8]...

### 3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng số liệu thực tập tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp năm 2013 – 2014 khối ngành Kinh tế tại một trường đại học. Số liệu là những bài báo cáo có định dạng word, những bài viết có định dạng khác đều bị loại trừ. Tổng cộng có 252 bài viết, chiếm 61% trên tổng số 411 bài báo cáo thuộc các bậc cao đẳng, đại học và hệ liên thông gồm các ngành hẹp như Kế toán, Quản trị tổng hợp, Ngoại thương và Marketing (xem bảng 1).

**Bảng 1.** Phân bố mẫu nghiên cứu theo chương trình đào tạo và theo ngành

Chương trình đào tạo	Ngành	Tổng thể	Tỉ lệ (%)	Mẫu	Tỉ lệ (%)
Cao đẳng	Kế toán	51	12,4	30	11,9
	Quản trị	54	13,1	43	17,1
Đại học	Kế toán	71	17,3	31	12,3
	Quản trị <sup>(*)</sup>	82	20,0	60	23,8
Liên thông	Kế toán	99	24,1	38	15,1
	Quản trị	54	13,1	50	19,8
Tổng		411	100,0	252	100,0

Ghi chú (\*): Bao gồm: Quản trị tổng hợp, Marketing và Ngoại thương

Nguồn: Dữ liệu điều tra

#### 3.2. Phương pháp đo lường

Khi sử dụng phần mềm Turnitin như một công cụ hỗ trợ trong việc phát hiện đạo văn, tùy những tình huống khác nhau mà nhà nghiên cứu quyết định sử dụng chỉ số tương đồng (dao động từ 0-100%) được lấy tối thiểu ở ngưỡng nào

được xem là nguy cơ đạo văn. Chỉ số này càng cao thì càng chứng tỏ bài viết sử dụng nhiều “công nghệ cắt dán”. Theo Turnitin (2014), sự phân loại này được chia thành năm màu: Xanh (không có liên kết nào), xanh lá (0-24%), vàng (25-49%), cam (50-74%), đỏ (75-100%). [28]

Dường như không có sự thống nhất nào về mức độ của chỉ số tương đồng để kết luận bài viết nên xếp vào loại “đạo văn” giữa các nghiên cứu [20]. Một số nghiên cứu sử dụng mức 10% [3], [8], [9], [18]. Tuy nhiên, tùy thuộc vào mức độ bài viết thuộc bài tiểu luận môn học hay bài báo cáo mà chỉ số này cũng được chấp nhận ở mức cao hơn. Chẳng hạn, Đại học TESSIDE [27], The West Indies [26] chấp nhận chỉ số tương đồng ở mức 15%. Hơn nữa, nghiên cứu của Heckler, Rice, & Bryan [7] cho thấy có sự khác biệt về tỉ lệ trung bình giữa nhóm sinh viên nhận biết được có sử dụng phần mềm phát hiện đạo văn so với nhóm đối chứng. Mặt khác, đối tượng nghiên cứu trong bài viết là những sinh viên chưa được đào tạo chính thức về cách tránh đạo văn, vì vậy, ngưỡng nghiên cứu này sử dụng mức đề xuất 20% (thì được xem là có nguy cơ đạo văn).

Bên cạnh đó, khi phân tích cần lưu ý đến việc trích dẫn nguyên văn [9] hay trang bìa, lời cảm ơn, mục lục, tài liệu tham khảo...[3], [17] vì chúng làm tăng mức trùng lặp, dễ dẫn đến chỉ số này có sự gia tăng giả tạo. Do đó, trong khi xử lý thông tin, những phần này sẽ bị loại bỏ khỏi phần đánh giá. Tuy nhiên, những phần trích dẫn gián tiếp sẽ không bị loại trừ khỏi phần mềm, điều này cũng ảnh hưởng đến kết quả. Để khắc phục tình trạng này và yếu tố về ngôn ngữ (tiếng Việt), thay vì số từ thông thường mà các nhà nghiên cứu hay sử dụng (10 từ trở lên [19]), phân tích này sử dụng tối thiểu là 25 từ nhằm tránh những liên kết quá nhỏ do ngẫu nhiên.

### 3.3. Phương pháp phân tích

Dữ liệu được mã hóa và xử lý trên phần mềm SPSS phiên bản 18. Phương pháp phân tích chủ yếu sử dụng thống kê mô tả nhằm đánh giá thực trạng chung, phân tích phương sai để đánh giá có sự khác biệt hay không giữa các nhóm ngành, chương trình đào tạo và giới tính.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Mức độ phổ biến của đạo văn

Bảng 2 dưới đây cho thấy, nếu dựa theo cách phân loại trên hệ thống Turnitin, chỉ số tương đồng trung bình trên 252 mẫu nghiên cứu là 47,5% (độ lệch chuẩn: 17,8) với mức dao động từ 2% đến 95%. Trong đó, nhóm có mức báo động đỏ (25 bài viết) chiếm 9,9%. Có trường hợp bài viết chỉ có 5% là của chính tác giả. Đa phần tập trung trong nhóm từ 25% – 49% (chiếm 52%).

Nếu sử dụng mức độ chấp nhận là dưới mức 20% thì chỉ có 4% bài viết được chấp nhận. Điều này có nghĩa 96% bài viết phải được xem xét cẩn thận về đạo văn. Tỉ số này càng cao thì nguy cơ vi phạm những chuẩn mực liêm chính học thuật càng gia tăng. Riêng nhóm có tỉ lệ tương đồng từ 50% trở lên chiếm đến 39,7% (100 bài viết) thì đóng góp của nguyên tác gần như theo chiều hướng ngược lại.

Kết quả này cũng tương tự một số nghiên cứu khác, Marshall & Garry [12] cho thấy 86% (sinh viên sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ 2) đã thừa nhận có đạo văn trong một thời điểm nào đó khi viết bài; McCable [14] chỉ ra 62% sinh viên thừa nhận có cắt dán trong bài viết thông qua các trang mạng internet và một số nguồn khác.

**Bảng 2. Phân loại chỉ số tương đồng theo nhóm tứ phân**

Nhóm tứ phân chỉ số tương đồng (%)	Tỉ lệ (%)	Chỉ số tương đồng trung bình(%)	Độ lệch chuẩn	Tối thiểu	Tối đa
Từ 0 – dưới 25	8,3	17,8	5,9	2	24
Từ 25 – dưới 50	52,0	38,8	6,3	26	49
Từ 50 – dưới 75	29,8	59,3	6,6	50	74
Từ 75 – 100	9,9	82,8	5,4	75	95
Trung bình	100	47,5	17,8		

Nguồn: Dữ liệu điều tra

Bảng 3 dưới đây cho thấy chỉ số tương đồng trung bình cao nhất từ 3 nguồn chính là từ internet chiếm 42% với mức dao động tương đối rộng từ 2% đến 95%. Điều này cũng giống kết luận của Klein [10] khi cho rằng những trang web đã khuyến khích nạn đạo văn. Một số trang web mà người học có thể dễ dàng tìm kiếm một đề tài tương tự (đôi khi lấy hẵn ý tưởng, nội dung bài viết và sửa đổi chút ít) có thể kể đến như *timtailieu.vn*; *tailieudoc.net*; *luanvan.net.vn*; *luanvan.co*; *doan.edu.vn*... hay hàng ngàn trang web khác từ các công cụ tìm kiếm mạnh như *google.com*, *yahoo.com*, *bing.com*, *ask.com*.

**Bảng 3. Chỉ số tương đồng từ các nguồn thông tin**

Nguồn	Chỉ số trung bình (%)	Độ lệch chuẩn	Tối thiểu	Tối đa
Chỉ số chung	47,5	17,8	2,0	95,0
Internet	42,0	15,3	2,0	95,0
Bài viết từ sinh viên	25,2	16,5	0,0	87,0
Sách và tạp chí	0,6	1,0	0,0	12,0

Nguồn: Dữ liệu điều tra

#### 4.2. Đánh giá sự khác biệt về chỉ số tương đồng trung bình giữa đối tượng

Số liệu phân tích cho thấy hệ cao đẳng có chỉ số tương đồng trung bình cao nhất (49,7%) so với nhóm đại học (46,4%) và hệ liên thông đại học (46,9%); nhóm ngành Kế toán (49,6%) cao hơn nhóm ngành Quản trị (46,2%) và giữa giới tính giữa nam và nữ gần như không có sự khác biệt đáng kể với 47,0% (nữ) và 48,6% (nam). Tuy nhiên, phân tích phương sai cho thấy không có khác biệt về chỉ số tương đồng trung bình giữa các chương trình đào tạo ( $F_{(2, 249)} = 2,25$ , Sig = 0,14), nhóm ngành ( $F_{(1, 250)} = 0,77$ , Sig = 0,46) và giới tính ( $F_{(1, 250)} = 0,38$ , Sig = 0,54). Giá trị trung bình của chỉ số này tương đối cao ở tất cả các phân loại, do đó không cho thấy có sự khác biệt về mặt thống kê (xem bảng 4).

**Bảng 4.** Đánh giá sự khác biệt về chỉ số tương đồng trung bình giữa các chương trình đào tạo và giới tính

Phân nhóm	Chỉ số tương đồng trung bình (%)	Độ lệch chuẩn	Giá trị F	Mức ý nghĩa (sig.)
Cao đẳng	49,7	17,8	2,25	0,14
Đại học	46,4	19,1		
Liên thông	46,9	16,6		
Kế toán	49,6	13,3	0,77	0,46
Quản trị	46,2	20,2		
Nữ	47,0	15,4	0,38	0,54
Nam	48,6	22,3		

Nguồn: Dữ liệu điều tra

## 5. Kết luận

Những minh chứng trên cho thấy đạo văn là một thực tế phải thừa nhận trong các báo cáo thực tập tốt nghiệp. Kết quả thống kê chứng tỏ mức độ phổ biến và nghiêm trọng về vi phạm đạo đức trong học thuật ở các bài báo cáo thực tập tốt nghiệp đối với tất cả các nhóm đối tượng, ngành học và chương trình đào tạo. Có thể nhận thấy đạo văn là một vấn đề phức tạp, chúng liên quan đến đạo đức hơn là hành vi. Vấn nạn này không chỉ do lỗi ở sinh viên mà còn do nhiều bên có liên quan như người dạy, người học, chương trình đào tạo, những thể chế quy định hiện hành về chống nạn đạo văn.

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đưa ra những khuyến nghị như sau:

- Cần chi tiết hóa những hành vi nào

được xem là đạo văn cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, cũng như có những biện pháp đi kèm nếu người học vi phạm nhằm tránh tạo tiền lệ về sau. Thay vì xử lý những vi phạm, thì ưu tiên phương án giảng dạy cho sinh viên cách tránh đạo văn thông qua các chuyên đề.

- Đề xuất hướng nghiên cứu tương lai: (i) Mô hình hóa để phân tích nhận thức và thái độ về đạo văn cho cả nhóm giảng viên và sinh viên; (ii) Mở rộng đánh giá cho nhiều ngành, các năm học và nhiều trường đại học; (iii) Xây dựng bộ quy tắc về liêm chính học thuật.

Tóm lại, bài viết này nêu lên một thực trạng nghiêm trọng trong học thuật ở môi trường giáo dục đại học và kêu gọi tinh thần trách nhiệm của các giới chức có liên quan mang trọng trách “trồng người”.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, I. (2009). "Avoiding plagiarism in academic writing". *Nursing Standard*, 23(18), 35-37.
2. Biggam, J. (2008). *Succeeding with your master's dissertation: a step-by-step guide*. London: Oen University Press.
3. Bretag, T., & Mahmudm, S. (2009). "A model for determining student plagiarism: electronic detection and academic judgement". *Journal of University Teaching & Learning Practice*, 6(1), 49-60
4. Bretag, T. (2013). "Challenges in addressing plagiarism in education". *PloS Medicine*, 10 (12).
5. Brown, V., Jordan, R., Rubin, N., & Arome, G. (2010). "Strengths and weaknesses of plagiarism detection software". *Journal of Literacy and Technology*, 11(1), 110-131.
6. Gibelman, M., & Gelman, S. (2003). "Plagiarism in academic: trends and implications". *Accountability in Research*, 10, 229-252.
7. Heckler, N.C., Rice, M., & Bryan, C. (2013). "Turnitin systems: a deterrent to plagiarism in college classrooms". *Journal of Research on Technology in Education* (International Society For Technology In Education), 45(3), 229-248.
8. Ison, D.C. (2014). "Does the online environment promote plagiarism? a comparative study of dissertations from brick-and-mortar versus online institutions". *Journal of Online Learning and Teaching*, 10(2), 272-281.
9. Ison, D.C. (2012). "Plagiarism among dissertations: prevalence at online institutions". *Journal Academic Ethics*, 10(3), 227-236.
10. Klein, D. (2011). "Why learners choose plagiarism: a review of literature". *Interdisciplinary Journal of E-learning and Learning Object*, 7, 97-110.
11. Macatangay, J. (2015). "Understanding, perception and prevalence of plagiarism among college freshman students of De La Salle Lipa, Philippines". *International Journal of Social Science and Humanity*, 5(8).
12. Marshall, S., & Garry, M. (2006). "NESB and ESB students' attitudes and perceptions of plagiarism". *International Journal for Educational Integrity*, 2, 26-37.
13. Matheson, L. G., & Starr, S. (2013). "Is it cheating or learning the craft of writing? using Turnitin to help students avoid plagiarism". *Research in Learning Technology*, 21.
14. McCabe, D. L. (2005). "Cheating among college and university students: a North American perspective". *International Journal for Education Integrity*, 1(1).
15. Ramzan, M., Munir, M. A., Siddique, N., & Asif, M. (2012). "Awareness about plagiarism amongst university students in Pakistan". *High Education*, 64, 73-84.
16. Rezanejad, A., & Rezaei, S. (2013). "Academic dishonesty at universities: the case of plagiarism among Iranian language students". *Journal Academic Ethics*, 11, 275-295.
17. Rowell, G. (2009). "TurnitinUK: plagiarism detection software?". *Journal of*

- Hospitality, Leisure, Sports and Tourism Education (Pre-2012)*, 8(2), 157-160.
18. Ryan, G., Bonanno, H., Krass, I., & Scoller, K. (2009). "Undergraduate and postgraduate pharmacy students' perceptions of plagiarism and academic honesty". *American Journal of Pharmaceutical Education*, 73(6), 1-8.
  19. Patel, A., Bakhtiyari, K., & Taghavi, M. (2011). "Evaluation of cheating detection methods in academic writings". *Library Hi Tech*, 29(4), 623-640.
  20. Stoltenkamp, J., & Kabaka, M. (2014). "Turnitin adoption and application at a HEI: a developmental approach". *Creative Education*, 5(12), 1043-1052.
  21. Sutherland, T. E. (2004). "Defining and avoiding plagiarism: the council of writing program administrators' statement on best practices". *Accounting Education News*, 32.
  22. Tripathi, R., & Kumar, S. (2009). Plagiarism: A plague. In: Pondicherry University, 7<sup>th</sup> international Caliber. Puducherry, India, 25-27 Feb 2009. Retrieved December 12, 2014, from <http://www.inflibnet.ac.in/caliber2009/CaliberPDF/64.pdf>
  23. Thurmond, B.H. (2010). *Student plagiarism and the use of a plagiarism detection tool by community college faculty*. PhD. Indiana State University.
  24. Walker, J. (2010). "Measuring plagiarism: researching what students do, not what they say they do". *Studies in Higher Education*, 35(1), 41-59.
  25. Wang, Y. (2008). "University student online plagiarism". *International Journal on E-Learning*, 7(4), 743-757.
  26. The University of the West Indies. (2010). *Guidelines for staff and students on Plagiarsim*. Retrieved December 27, 2014, from [http://sta.uwi.edu/resources/documents/postgrad/guidelines\\_staff\\_students\\_plagiarism.pdf](http://sta.uwi.edu/resources/documents/postgrad/guidelines_staff_students_plagiarism.pdf)
  27. Teesside University. (2013). *Interpreting turnitin originality report*. Retrieved December 27, 2014, from <https://eat.scm.tees.ac.uk/bb8content/resources/recipes/interpretTurnitin.pdf>
  28. Turnitin. (2014). *Instructor training: about originality check*. Retrieved December 11, 2014, from [http://turnitin.com/en\\_us/training/instructor-training/about-originalitycheck](http://turnitin.com/en_us/training/instructor-training/about-originalitycheck)
  29. Merriam-Webster. (2014). *Merriam-Webster online*. Retrieved December 5, 2014 from <http://www.merriam-webster.com/dictionary/plagiarism>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-4-2015; ngày phản biện đánh giá: 06-5-2015;  
ngày chấp nhận đăng: 23-02-2016)